|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ PHẬN KIỂM TOÁN NỘI BỘ**  Số: ……  *V/v - Báo cáo Tổng kết hoạt động của*  *Bộ phận Kiểm toán Nội bộ năm year* | **Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**  **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**  **-----/------** |
|  | *«yearreport»* |

**BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG**

**CỦA BỘ PHẬN KIỂM TOÁN NỘI BỘ NĂM «year»**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị/Hội đồng Thành viên**

**Ban Kiểm soát / Ban Kiểm toán nội bộ /Ủy Ban Kiểm toán**

**Tổng Giám đốc**

Bộ phận Kiểm toán nội bộ (KTNB), «company», kính báo cáo tới Hội đồng Quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành kết quả hoạt động của Bộ phận KTNB trong năm «year\_1»như sau:

**I – ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN CỦA KIỂM TOÁN NỘI BỘ**

1. **Đánh giá tổng quan về sự đầy đủ, phù hợp và hiệu quả của Hệ thống Kiểm soát nội bộ, Quản trị rủi ro và Quản trị doanh nghiệp của «company\_1»:**

«danhgiatongquanktnb»

1. **Các quan ngại chính của Kiểm toán nội bộ - các vấn đề rủi ro hiện tại và mới nổi**

Dựa trên kết quả các cuộc kiểm toán đã thực hiện trong năm, các thông tin thu thập từ Ban lãnh đạo tổ chức và các thông tin trên thị trường, Kiểm toán nội bộ xác định một số vấn đề rủi ro chính sau có khả năng ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và quản trị doanh nghiệp mà Ban lãnh đạo tổ chức cần biết:

«quanngaichinhktnb»

**II – TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN NỘI BỘ NĂM «year\_2»**

1. **Tình hình thực hiện Kế hoạch kiểm toán nội bộ năm «year\_2»**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Số lượng cuộc kiểm toán theo kế hoạch** | **Số lượng kiểm toán đã hoàn thành (\*)** | **% hoàn thành** | **Số lượng cuộc kiểm toán đột xuất** |
| Năm hiện tại (N) | «auditplancurrent» | «auditcompletedcurrent» | «completedcurrent» | «auditexpectedprevious» |
| Năm liền trước  (N-1) | «auditplanprevious» | «auditcompletedprevious» | «completedprevious» | «auditexpectedprevious» |
| Biến động (%) | «auditplanvolatility» | «auditcompletedvolatility» |  |  |

*(\*) Cuộc kiểm toán coi là hoàn thành khi phát hành báo cáo kiểm toán chính thức.*

Lý do không hoàn thành kế hoạch: «reason»

1. **Kết quả các cuộc kiểm toán đã phát hành báo cáo trong năm**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên cuộc kiểm toán** | **Thời gian kiểm toán** | **Ngày phát hành báo cáo** | **Mức xếp hạng kiểm toán** | **Số lượng phát hiện**  **kiểm toán** | |
| **Mức rủi ro Cao** | **Mức rủi ro TB** |

1. **Các phát hiện kiểm toán trọng yếu (rủi ro Cao) trong năm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên cuộc kiểm toán** | **Tóm tắt phát hiện** | **Nội dung kiến nghị** | **Tình hình thực hiện** |

1. **Tình hình thực hiện các kiến nghị của kiểm toán nội bộ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tình hình thực hiện** | **Phát hiện kiểm toán rủi ro  Cao** | | | | **Phát hiện kiểm toán rủi ro  Trung bình** | | | |
| **Đầu kỳ** | **Chưa đóng trong kỳ** | **Đã đóng trong kỳ** | **Cuối kỳ** | **Đầu kỳ** | **Chưa đóng trong kỳ** | **Đã đóng trong kỳ** | **Cuối kỳ** |
| Trong hạn | «dauky11» | «chuadong11» | «dadong11» | «cuoiky11» | «dauky12» | «chuadong12» | «dadong12» | «cuoiky12» |
| Quá hạn: | «dauky21» | «chuadong21» | «dadong21» | «cuoiky21» | «dauky22» | «chuadong22» | «dadong22» | «cuoiky22» |
| *< 30 ngày* | «dauky31» | «chuadong31» | «dadong31» | «cuoiky31» | «dauky32» | «chuadong32» | «dadong32» | «cuoiky32» |
| *30 – 60 ngày* | «dauky41» | «chuadong41» | «dadong41» | «cuoiky41» | «dauky42» | «chuadong42» | «dadong42» | «cuoiky42» |
| *60 – 90 ngày* | «dauky51» | «chuadong51» | «dadong51» | «cuoiky51» | «dauky52» | «chuadong52» | «dadong52» | «cuoiky52» |
| *> 90 ngày* | «dauky61» | «chuadong61» | «dadong61» | «cuoiky61» | «dauky62» | «chuadong62» | «dadong62» | «cuoiky62» |
| Gia hạn | «dauky71» | «chuadong71» | «dadong71» | «cuoiky71» | «dauky72» | «chuadong72» | «dadong72» | «cuoiky72» |
| **Tổng số** | «dauky81» | «chuadong81» | «dadong81» | «cuoiky81» | «dauky82» | «chuadong82» | «dadong82» | «cuoiky82» |

Các vấn đề cần lưu ý đối với Ban lãnh đạo tổ chức liên quan đến tình hình thực hiện các kiến nghị của kiểm toán:

«note»

1. **Công tác theo dõi khắc phục các vấn đề do Thanh tra/Kiểm toán nhà nước/Kiểm toán độc lập đưa ra (nếu có)**

«congtactheodoikhacphuc»

**III – CÔNG TÁC QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ**

«congtacquantrichatluonghoatdong»